**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ TRONG LÍNH VỰC XỬ LÝ ĐƠN VÀ LĨNH VỰC TIẾP CÔNG DÂN THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA THANH TRA TỈNH**

*(Ban hành Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 6 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Thừa Thiên Huế)*

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên TTHC được thay thế (cũ)** | **Tên TTHC thay thế (mới)/Mã TTHC** | **Thời gian thực hiện TTHC** | **Cách thức và địa điểm thực hiện** | **Tên VBQPPL quy định nội dung thay thế** | **Cơ quan thực hiện** |
| **A** | **CẤP TỈNH** |
| **I** | **Lĩnh vực xử lý đơn** |  |  |  |  |  |
| 1 | Thủ tục xử lý đơn tại cấp tỉnh ([2.001899](https://csdl.dichvucong.gov.vn/web/mtv/thu_tuc_hanh_chinh/chi_tiet_tthc/index?id=6721&qdcbid=58094&r_url=tra_cuu_tthc_bg)) | Thủ tục xử lý đơn tại cấp tỉnh 2.002499.000.000.00.H57 | 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn  | Gửi đơn trực tiếp đến cơ quan hoặc gửi đơn qua dịch vụ bưu chính | - Luật Khiếu nại ngày 11 tháng 11 năm 2011;- Luật Tố cáo ngày 12 tháng 6 năm 2018; - Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ; - Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ; *-* Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ. | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Thanh tra tỉnh, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh  |
| **II** | **Lĩnh vực tiếp công dân**  |  |  |  |  |  |
| 1 | Thủ tục tiếp công dân tại cấp tỉnh (2.002175) | Thủ tục tiếp công dân tại cấp tỉnh 1.010943.000.00.00.H57  | 10 ngày làm việc, kế từ ngày tiếp nhận  | Công dân đến trình bày trực tiếp tại trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân | - Luật Tiếp công dân năm 2013; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ; *-* Thông tư số 04/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ. | Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Thanh tra tỉnh, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh |
| **B** | **CẤP HUYỆN** |
| **I** | **Lĩnh vực xử lý đơn**  |  |  |  |  |  |
| 1 | Thủ tục xử lý đơn tại cấp huyện (2.8001879) | Thủ tục xử lý đơn tại cấp huyện 2.002500.000.00.00.H57  | 10 ngày, kế từ ngày nhận được đơn  | Gửi đơn trực tiếp đến cơ quan hoặc gửi đơn qua dịch vụ bưu chính | - Luật Khiếu nại ngày 11 tháng 11 năm 2011;- Luật Tố cáo ngày 12 tháng 6 năm 2018; - Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ; - Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ; - Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ. | Ủy ban nhân dân cấp huyện, Thanh tra huyện, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện |
| **II** | **Lĩnh vực tiếp công dân** |  |  |  |  |  |
| 1 | Thủ tục tiếp công dân tại cấp huyện (2.002174) | Thủ tục tiếp công dân tại cấp huyện 1.010944.000.00.00.H57 | 10 ngày làm việc, kế từ ngày tiếp nhận  | Công dân đến trình bày trực tiếp tại trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân | - Luật Tiếp công dân năm 2013; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ; *-* Thông tư số 04/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ. | Ủy ban nhân dân cấp huyện, Thanh tra huyện, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND huyện |
| **C** | **CẤP XÃ** |  |  |  |  |  |
| **I** | **Lĩnh vực xử lý đơn** |  |  |  |  |  |
| 1 | Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã ([2.001801](https://csdl.dichvucong.gov.vn/web/mtv/thu_tuc_hanh_chinh/chi_tiet_tthc/index?id=6235&qdcbid=58094&r_url=tra_cuu_tthc_bg)) | Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã 2.002501.000.00.00.H57  | 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn  | Gửi đơn trực tiếp đến cơ quan hoặc gửi đơn qua dịch vụ bưu chính | - Luật Khiếu nại ngày 11 tháng 11 năm 2011;- Luật Tố cáo ngày 12 tháng 6 năm 2018; - Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10 tháng 4 năm 2019 của Chính phủ; - Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ; *-* Thông tư số 05/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ. | Ủy ban nhân dân cấp xã  |
| **II** | **Lĩnh vực tiếp công dân** |  |  |  |  |  |
| 1 | Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã (2.001909) | Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã 1.010945.000.00.00.H57  | 10 ngày làm việc, kế từ ngày tiếp nhận  | Công dân đến trình bày trực tiếp tại trụ sở tiếp công dân hoặc địa điểm tiếp công dân | - Luật Tiếp công dân năm 2013; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ; *-* Thông tư số 04/2021/TT-TTCP ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ. | Ủy ban nhân dân cấp xã  |

***\* Ghi chú:*** *Nội dung TTHC cụ thể được công bố tại Quyết định này được thực hiện theo nội dung đã được Thanh tra Chính công khai trên Cổng dịch vụ công quốc gia (*[*https://dichvucong.gov.vn*](https://dichvucong.gov.vn)*) và trên Cổng dịch vụ công tỉnh Thừa Thiên Huế (https://dichvucong.thuathienhue.gov.vn).*